

Số: 02/2017/QĐST-KDTM

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Trụ sở: Tòa nhà TPB, số 57 phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

- Ông Lương Đình T, sinh năm 1953; trú tại: Số 798A NGT, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên họp.

- Bà Nguyễn Thị MA, sinh năm 1959; trú tại: Số 798A NGT, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên họp.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lương Tuấn A, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Số 949 NGT, khu 4 L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

- Ông Lương Trung D, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; cùng trú tại: Số 798A NGT, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; cùng trú tại: Số 03/878 NGT, phường NH, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Ông Lương Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; cùng trú tại: Số 224 đường N, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngân hàng T yêu cầu và vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA phải trả cho Ngân hàng T các khoản tiền, bao gồm

+ Nợ gốc:	2.737.500.000 đồng
+ Nợ lãi trong hạn:	265.841.667 đồng
+ Số tiền nợ lãi quá hạn:	3.991.959.375 đồng
+ Số tiền phạt chậm trả lãi:	387.663.611 đồng
Tổng cộng:	7.382.9640.653 đồng.

2. Tại phiên hòa giải ngày 19/12/2017, Ngân hàng T chỉ yêu cầu vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA phải trả cho Ngân hàng T các khoản tiền, bao gồm:

+ Nợ gốc:	2.737.500.000 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn:	265.841.667 đồng.
+ Số tiền nợ lãi quá hạn:	3.991.959.375 đồng.
Tổng số tiền là:	6.995.301.042 đồng.

Và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/12/2017 cho đến khi vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

3. Quá thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật mà vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp là:

a. Quyền sử dụng đối với thửa đất số: 50B; tờ bản đồ số: 30, diện tích: 266.5 m² (trong đó: đất ở: 50 m²; đất vườn liền kề: 216.5 m²) tại khu dân cư TV, phường TC, quận H, thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 450379, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: H01051 do UBND quận H, thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/01/2009 cho ông Lương Văn T, bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01120711/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 12/7/2011.

b. Quyền sử dụng đối với thửa đất số: 10; tờ bản đồ số: 219-C-II, diện tích: 700 m² (trong đó đất ở: 521 m²; đất Hành lang giao thông: 179 m²) tại thôn ĐN II, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 890195, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH.00020/AL do UBND huyện AL - thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/5/2010 cho ông Lương Tuấn A theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03200710/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 20/7/2010.

c. Quyền sử dụng đối với thửa đất số: 555; tờ bản đồ số: 11, diện tích: 362 m² (trong đó 200 m² đất ở) tại xã NH, huyện AH (nay là phường NH, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 959187, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 02156/QSDĐ do UBND huyện AH (nay là quận H) - thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/4/2003 cho bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01200710/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 20/7/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01 ngày 12/7/2011.

d. Quyền sử dụng đối với thửa đất số: 170^A ; tờ bản đồ số: 30, diện tích: 287 m² (trong đó 200 m² đất ở; 87 m² đất vườn tạp) tại xã TC, huyện AH (nay là phường TC, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V641435, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 02239/QSDĐ do UBND huyện AH (nay là quận H) - thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/5/2002 cho bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02200710/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 20/7/2010.

4. Kể từ ngày 20/12/2017 (ngày tiếp theo ngày các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án) số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA không trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong thì hàng tháng vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA còn phải trả một khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01010611RB/HP-TPB/NH.11 ngày 01 tháng 6 năm 2011 đã ký kết giữa Ngân hàng T và vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA.

5. Ngân hàng T phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của anh Lương Tuấn A theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án tại Giấy biên nhận thu tiền số 109/GBN ngày 05/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Ngân hàng T đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

Trả lại Ngân hàng T số tiền 57.415.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2012/0005584 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Vợ chồng ông Lương Đình T và bà Nguyễn Thị MA phải chịu 57.497.650 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Cường